


THỜ OXY TRỘN QUA CANNULA MŨI TRONG CÀI OXY TRẺ SANH NON TẠI BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG I



BS. Phạm Lê Mỹ Hạnh
Khoa HSSS

ĐẶT VẤN ĐỀ

- ❖ Tỷ lệ sống trẻ < 1500g ↑↑ → lệ thuộc oxy → thờ oxy qua cannula mũi (min 0,5 l/ph):

Cân nặng (g)	700	1000	1250	1500	2000
FiO2 hq (%)	77	60	53	47	41

- ❖ FiO2 càng thấp → cài O2 càng thành công *
- ❖ 2 pp ↓ thấp FiO2/ thờ oxy qua cannula mũi:
 - pp1: lưu lượng oxy < 0,5 l/p.
 - pp2: trộn Air & O2 (pp thờ oxy trộn)
- ❖ Khuyết điểm pp1:
 - ↓ l/lưu lượng → FiO2 ↓↓ → trẻ BPD khó dung nạp **
 - tỉ lệ trẻ XV thờ khí trời thấp hơn (P=0,003), số ngày thờ oxy dài hơn (P=0,008)***
- ❖ VN chưa có nghiên cứu

MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Mục tiêu tổng quát:
Xác định KQ thờ oxy trộn qua cannula mũi trong cài oxy trẻ sanh non / HSSS BV NĐ I 04/2011 - 05/2012 .

Mục tiêu chuyên biệt:
Xác định ở nhóm thờ oxy trộn và nhóm thờ xen kẽ oxy ngchất:

- Tỷ lệ cài oxy thành công.
- Thời gian thờ cannula mũi và điều trị oxy.
- Tỷ lệ các biến chứng.

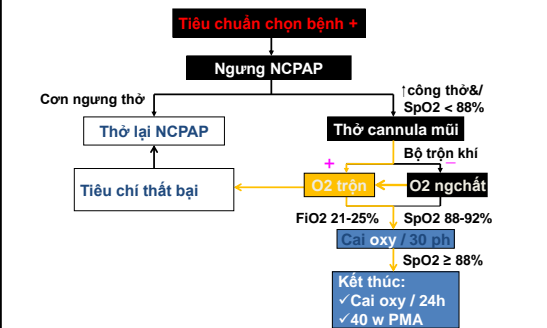
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu: tiền cứu, mô tả có phân tích.

Cỡ mẫu: lấy trọn theo kiểu thuận tiện

Dân số nghiên cứu:
Dân số nghiên cứu: trẻ 0 / HSSS 4/2011 - 5/2012.
Dân số chọn mẫu: trẻ thờ oxy trộn qua cannula mũi.
Tiêu chuẩn chọn bệnh: Trẻ GA ≤ 32 ws, NCPAP: P ≤ 5cmH2O, FiO2 < 30% & ổn định /24h

4. Phương pháp tiến hành nghiên cứu:



THỜ OXY TRỘN QUA CANNULA MŨI

Lưu lượng Air và O2:

Air	O2
1,5l/ph (≤1,6kg)	0,1l/ph
	0,2l/ph
2l/ph (>1,6kg)	0,1l/ph

- FiO2 hq ≤ 30 %
- LL chung (l/ph) ≥ CN (kg)
- FiO2 hq = FiO2 cannula*

THỞ OXY TRONG QUÁ CANNULA MŨI TRONG CẢI OXY TRẺ SẴN NON TẠI BỆNH VIỆN NH ĐỒNG I

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

5. Phương pháp thu thập và phân tích số liệu :
 thập số liệu theo phiếu in sẵn
 Xử lý dữ liệu:
 Phần mềm SPSS 13.0 for Windows.
 Phân tích dữ liệu:

- Phép kiểm t, ANOVA / Kruskal – Wallis: ss tb.
- Phép kiểm χ^2 / Fisher: ss tỉ lệ.
- $P < 0,05$: có ý nghĩa thống kê.

Hiệu chỉnh Bonferroni ($P < 0,017$)

7

THỞ OXY TRONG QUÁ CANNULA MŨI TRONG CẢI OXY TRẺ SẴN NON TẠI BỆNH VIỆN NH ĐỒNG I

KẾT QUẢ - BÀN LUẬN

Đặc điểm: N=32 ca

25% xen kẽ O2 ngắt $\geq 7ng$ (n=8)
 31% xen kẽ O2 ngắt $< 7ng$ (n=10)
 44% O2 trộn (n=14)

Trẻ có CNLS ≤ 1500 gram chiếm 93,8% (30/32).

8

THỞ OXY TRONG QUÁ CANNULA MŨI TRONG CẢI OXY TRẺ SẴN NON TẠI BỆNH VIỆN NH ĐỒNG I

KẾT QUẢ - BÀN LUẬN

Đặc điểm dân số nghiên cứu	Nhóm 1 (n=14)	Nhóm 2 (n=10)	Nhóm 3 (n=8)	P
CNLS (g)	1117,9 \pm 205,3	1210 \pm 213,2	1250 \pm 377	0,48
- < 1000 g (%)	3 (21,4)	1(10)	2 (25)	0,35
- 1000- <1500 g (%)	11 (78,6)	7 (70)	4 (50)	
- 1500-2000 g (%)	0 (0)	2 (20)	2 (25)	
Tuổi thai (tuần)	28 (25-31)	30 (26,5-30)	27,5 (25-32)	0,51*
Surfactant (%)	7 (50)	3 (30)	3 (37,5)	0,6
Diaphylline (%)	8 (57,1)	5 (50)	3 (37,5)	0,3
BMT (%)	13 (92,9)	6 (60)	5 (62,5)	0,12
NTH (%)	8 (57,1)	4 (40)	4 (50)	0,71
VP (%)	11 (78,6)	6 (60)	6 (75)	0,59
COBM(%)	4 (28,6)	4 (40)	3 (37,5)	0,89

Không khác biệt giữa 3 nhóm

9

THỞ OXY TRONG QUÁ CANNULA MŨI TRONG CẢI OXY TRẺ SẴN NON TẠI BỆNH VIỆN NH ĐỒNG I

KẾT QUẢ - BÀN LUẬN

Đặc điểm dân số lúc chuyển thở cannula mũi lần đầu:

Đặc điểm	Nhóm 1 (n=14)	Nhóm 2 (n=10)	Nhóm 3 (n=8)	P
Cân nặng tb (g)	1500 (1000-1950)	1300 (1100-2500)	1500 (1150-2100)	0,51*
PMA (tuần)	33,4 \pm 1,7	33,4 \pm 1,9	33,5 \pm 3	0,99
Tuổi (ngày)	36,9 \pm 13,9	31,1 \pm 17,9	35,7 \pm 13,2	0,6
Số ca thở máy (%)	9 (64,3)	7 (70)	5 (62,5)	0,44
Thở máy (ngày)	17,1 \pm 12,1	12,8 \pm 13,4	11,2 \pm 5,3	0,51
Thở NCPAP (ngày)	25,7 \pm 12,9	22 \pm 13,1	27,1 \pm 15,9	0,71
Điều trị oxy (ngày)	11 (4-61)	12 (2-55)	18 (9-31)	0,27*
Loạn sản phổi (%)	2 (14,3)	2 (20)	2 (25)	0,4

Hỗ trợ hô hấp > 30ng trước thở cannula mũi

10

THỞ OXY TRONG QUÁ CANNULA MŨI TRONG CẢI OXY TRẺ SẴN NON TẠI BỆNH VIỆN NH ĐỒNG I

KẾT QUẢ - BÀN LUẬN

Tỉ lệ cai oxy thành công: 93,8 %
 Thất bại: 2 ca (6,2%)

Thành công: 30 ca (93,8%)
 Thất bại: 2 ca (6,2%)

Nhóm I: 14 ca (100%)
 Nhóm II: 10 ca (100%)
 Nhóm III: 6 ca (75%)

2 ca thất bại (1 tử vong sau 6th 24ng θ)

$p = 0,04$

11

THỞ OXY TRONG QUÁ CANNULA MŨI TRONG CẢI OXY TRẺ SẴN NON TẠI BỆNH VIỆN NH ĐỒNG I

KẾT QUẢ - BÀN LUẬN

Số ca thất bại thở cannula mũi: 18/32

nhóm I: 7
 nhóm II: 7
 nhóm III: 4

Tỉ lệ thất bại phải thở máy ($P = 0,036$)

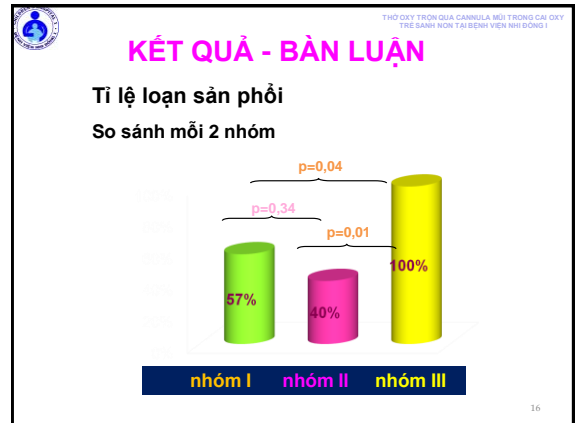
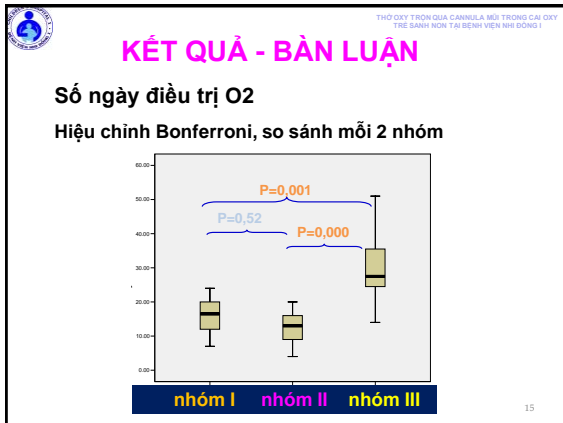
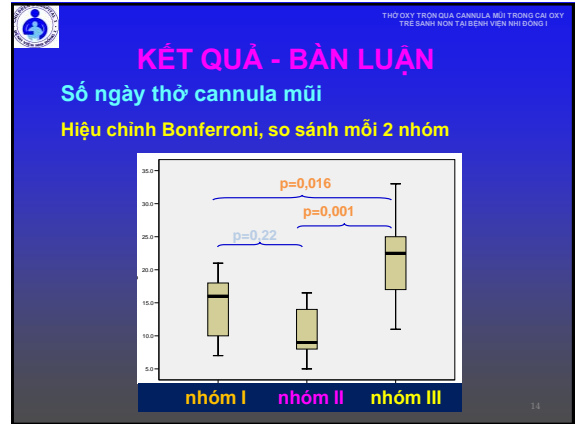
12

THỜI ĐIỀU TRỊ O₂ THÔNG QUA CANNULA MŨI TRONG CẢI OXY TRẺ SẴN NON TẠI BỆNH VIỆN NHÍ ĐỒNG I

KẾT QUẢ - BÀN LUẬN

Kết quả hô hấp sau thời cannula mũi

Đặc điểm	Nhóm 1 (n=14)	Nhóm 2 (n=10)	Nhóm 3 (n=8)	P
Oxy nguyên chất (ngày)	0	3 (1-6)	16 (7-23)	0,000*
Oxy trộn (ngày)	15 (7-21)	5,5 (2-14)	5,5 (1-9)	0,000*
Thời cannula mũi (ngày)	14,6 ± 5	10,6 ± 4	21,6 ± 6,8	0,001
NCPAP (ngày)	9,9 (2-38)	9,5 (6-15)	11,7 (8-17)	0,94*
Thời máy (ngày)	0	8	13,3 ± 12,7	0,75
Điều trị oxy (ngày)**	16,4 ± 5	12,3 ± 5,2	30 ± 11,4	0,000
Hỗ trợ hô hấp (ngày)	19,9 ± 11,1	16,5 ± 6,5	31 ± 10,9	0,01
Loạn sản phổi (%)	8 (57,1)	4 (40)	8 (100)	0,02
Lasix (%)	10 (71,4)	2 (20)	4 (50)	0,04
Dexamethasone (%)	1 (7,1)	1 (10)	2 (25)	0,46



THỜI ĐIỀU TRỊ O₂ THÔNG QUA CANNULA MŨI TRONG CẢI OXY TRẺ SẴN NON TẠI BỆNH VIỆN NHÍ ĐỒNG I

KẾT QUẢ - BÀN LUẬN

Kết quả hô hấp

Phân tầng BPD trước thời cannula & dùng Lasix:

- Thời gian thời cannula mũi: nhóm 1&3 (p=0,006)
nhóm 2&3 (p=0,000)
- Ngày điều trị oxy: nhóm 1&3 (p=0,002)
nhóm 2&3 (p=0,001)

THỜI ĐIỀU TRỊ O₂ THÔNG QUA CANNULA MŨI TRONG CẢI OXY TRẺ SẴN NON TẠI BỆNH VIỆN NHÍ ĐỒNG I

KẾT QUẢ - BÀN LUẬN

Kết quả hô hấp

Số ngày điều trị O₂:

	Nhóm O ₂ trộn	Nhóm O ₂ ngchất	p
Jodi K.Jackson & cs*	9,4 ± 14	36,7 ± 45	0,008
Chúng tôi	16,4 ± 5	30 ± 11,4	0,001

Biến chứng:
Không biến chứng # Sreenan & cs**



THỜI QUY TRỌNG QUÁ CANNULA MŨI TRONG CẢI QUY
TRẺ SƠ SINH TẠI BỆNH VIỆN NH ĐỒNG I

KẾT LUẬN

- ❖ Tỷ lệ cai O2 thành công: 93,8%
 - ❖ Thời gian thở cannula mũi & θ O2 ngắn hơn có ý nghĩa thống kê ở nhóm thở O2 trộn & có thở O2 ngchất < 7ng > có thở O2 ngchất \geq 7ng.
 - ❖ Không biến chứng.
- ⇒ Có thể áp dụng tại các đơn nguyên sơ sinh

19



20